

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Trụ sở chính:

535 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 042.2203228

Fax: 042.220327

Chi Nhánh Hồ Chí Minh:

63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3

Điện thoại: 042.2203228

Fax: 042.220327

Website: <http://www.tvs.vn> Email: info@tvs.vn

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt.

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006.

Địa chỉ trụ sở: 535 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Email: info@tvs.vn

Website: <http://www.tvs.vn>

Điện thoại: 04.22203228

Fax: 04.22203227

II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

a. Việc thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006.

b. Niêm yết

Hiện tại, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt chưa thực hiện việc niêm yết cổ phiếu. Việc niêm yết cổ phiếu sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong lần Đại hội tới.

c. Các sự kiện khác

- Tăng vốn từ 43.000.000.000 VNĐ lên 86.000.000.000 VNĐ: Theo Quyết định số 67/UBCK-GP ngày 24 tháng 8 năm 2007, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt chính thức được tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ lên 86 tỷ đồng.
- Tăng vốn từ 86.000.000.000 VNĐ lên 430.000.000.000 VNĐ: Theo Quyết định số 92/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05 tháng 12 năm 2007, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt chính thức được tăng vốn điều lệ từ 86 tỷ lên 430 tỷ đồng.

2. Quá trình phát triển

a. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Các dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

b. Tình hình hoạt động

Môi giới chứng khoán

Trong năm 2009, bộ phận môi giới khách hàng bán lẻ tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh và thêm phần vững mạnh khi số lượng tài khoản mới mở trong năm tăng 23% so với

năm 2008. Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán đạt gần 19 tỷ đồng, tăng 62% so với năm 2008. Mức lợi nhuận do bộ phận Môi giới chứng khoán đóng góp cho TVS trong năm qua chỉ đứng sau mức lợi nhuận của bộ phận đầu tư vốn (PI). Trong năm 2009, số tài khoản mới đã gia tăng trung bình 50-60 tài khoản mỗi tháng trong khi số lượng tài khoản đóng rất thấp. Về hiệu quả hoạt động, mặc dù số lượng tài khoản của TVS so với nhiều công ty chứng khoán khác còn thấp, tỷ lệ tài khoản có giao dịch trên tổng số tài khoản vẫn ở mức cao và đạt 7%/ngày. Ngoài ra, để duy trì được tỷ lệ doanh số trên 1 tài khoản giao dịch cao, mỗi tài khoản khách hàng của khách hàng đã được phân cho các nhân viên môi giới, qua đó nâng cao tính trách nhiệm và hiệu quả trong việc chăm sóc và tư vấn cho khách hàng của nhân viên. Việc đưa phần mềm quản lý giao dịch chứng khoán Silverlake vào sử dụng trong phạm vi toàn công ty đã giúp TVS nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu chi phí, đồng thời có thể cung cấp các dịch vụ giao dịch điện tử tốt hơn cho khách hàng.

Đầu tư vốn

Trong năm 2009, doanh thu từ PI đạt 104 tỷ đồng và chiếm hơn 80% doanh thu từ hoạt động kinh doanh của toàn công ty. Trong 2 năm 2008-2009, PI của TVS đã có những đầu tư vào các doanh nghiệp chưa niêm yết (PE), niêm yết, và trái phiếu. Ở danh mục vốn cổ phần doanh nghiệp PE, chúng tôi chỉ đầu tư vào các doanh nghiệp tư nhân tăng trưởng cao ở các ngành then chốt với đội ngũ quản lý đáng tin cậy và xuất sắc. Ở danh mục vốn cổ phần doanh nghiệp niêm yết, chiến lược của chúng tôi là đầu tư vào các cổ phiếu có giá trị và hiện thực hoá lợi nhuận khi đạt được kỳ vọng lợi nhuận đã được đưa ra trước đó. Ở loại hình tài sản nợ, chúng tôi đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ có đảm bảo, tiền gửi có kỳ hạn, và các công cụ tài chính cầu nối khác với cổ phiếu cho các khách hàng của IB.

Ngân hàng đầu tư

Năm 2009 là một năm khó khăn cho lĩnh vực tư vấn tài chính nói chung và bộ phận tư vấn của TVS nói riêng. Ngay từ đầu năm ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính đã thể hiện rõ lên hoạt động của bộ phận: các nhà đầu tư đòi hỏi chi phí vốn rất cao khi xem xét các thương vụ đầu tư vốn cổ phần do đó các thương vụ tư vấn của TVS chưa được thành công như mong đợi. Bộ phận phải tiến hành tái cấu trúc vào tháng 3/2009, cắt giảm nhân sự và chỉ giữ lại một số nhân viên xuất sắc nhất có khả năng thực hiện tất cả các công đoạn của một thương vụ. Do tình hình thị trường đã được cải thiện hơn vào nửa cuối 2009, bộ phận IB đã bắt đầu giành được các thương vụ tiềm năng và đang hoạt động hết công suất ở thời điểm hiện tại. Những hợp đồng đã ký được trong nửa cuối năm 2009 sẽ được xúc tiến và tạo ra doanh thu đáng kể cho TVS trong năm 2010.

Hạ tầng công nghệ

Trong năm 2009, bộ phận CNTT đã hoàn tất toàn bộ Dự án phần mềm giao dịch chứng khoán Silver Lake. Sau khi hoàn tất, dự án này sẽ đảm bảo cho hoạt động giao dịch chứng khoán của công ty đạt tiêu chuẩn cao có sức cạnh tranh trên thị trường. Trong năm 2009, công ty sẽ triển khai dần từng bước để đưa các dịch vụ giao dịch từ xa cho khách hàng.

Thực tế hiện trạng dự án SilverLake đến ngày 31/12/2009

- Đã hoàn tất quá trình triển khai dự án SilverLake, đưa hệ thống vào sử dụng trong phạm vi toàn Công ty từ tháng 07/2009. Hiệu quả sau khi đưa hệ thống vào sử dụng đã thể hiện rõ rệt và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.
- Đã hoàn tất quá trình kết nối với Sở giao dịch Tp.HCM để đảm bảo sức cạnh tranh và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động giao dịch phục vụ nhà đầu tư

- Bước đầu cung cấp các dịch vụ giao dịch từ xa cũng như các dịch vụ giá trị gia tăng khác cho khách hàng, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường bằng việc kết nối trực tiếp tới các Sở giao dịch, trung tâm lưu ký..
- Phần mềm giao dịch chứng khoán SilverLake đã được chuyển giao tới các bộ phận nghiệp vụ trong phạm vi toàn Công ty, không những đáp ứng các tiêu chuẩn đang sử dụng tại Việt Nam mà còn đáp ứng các nhu cầu nghiệp vụ trong tương lai như giao
- dịch ký quỹ (Margin trading)... Ngoài ra, bộ phận IT đã đảm bảo quyền lợi của Công ty trong tương lai bằng các văn bản cụ thể giữa Công ty và đối tác SilverLake trong việc hỗ trợ vận hành và chuyển giao công nghệ.

3. Định hướng phát triển trung và dài hạn

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Chiến lược về mặt trung hạn giai đoạn 2010-2014 của chúng tôi là xây dựng bộ phận IB có tính cạnh tranh ở Việt Nam đồng thời cam kết đem lại lợi nhuận bền vững cho các cổ đông trong môi trường hậu khủng hoảng. Chúng tôi sẽ duy trì và tiếp tục phát triển bốn lĩnh vực kinh doanh hiện tại là Ngân hàng đầu tư (IB), Tự doanh, Môi giới khách hàng cá nhân (PCB), và Môi giới khách hàng tổ chức (ICG). Hai lĩnh vực đầu là hai lĩnh vực có tính cạnh tranh và là yếu tố then chốt đối với sự tăng trưởng dài hạn.

b. Chiến lược phát triển của các bộ phận

Ngân hàng đầu tư:

Chúng tôi tập trung vào việc hợp tác dài hạn với các doanh nghiệp lớn thuộc khối kinh tế tư nhân để mang lại cho bộ phận IB các dịch vụ và thương vụ tiềm năng ví dụ như vốn cổ phần doanh nghiệp tư nhân, kinh doanh chiến lược, M&A, IPO và tài trợ vốn đặc quyền.

Tự doanh:

Tự doanh là yếu tố chính mang lại lợi nhuận của chúng tôi về mặt ngắn hạn đồng thời trợ giúp chúng tôi phát triển hoạt động của IB. Chúng tôi đầu tư vào ba loại tài sản khác nhau bao gồm vốn cổ phần doanh nghiệp tư nhân, vốn cổ phần công ty niêm yết, và tài sản nợ. Chiến lược của chúng tôi là đầu tư vào các doanh nghiệp tư nhân và công ty niêm yết với bước đệm là tài sản nợ.

Nghiên cứu & Phân tích:

Mục tiêu của TVS là đứng trong top 5 công ty nghiên cứu và phân tích hàng đầu trên thị trường trong vòng 2-3 năm tới. Mục tiêu của chúng tôi là có các nguồn lực thích hợp để tạo ra các sản phẩm phân tích có chất lượng, mang tính thường xuyên và chuyên sâu với khả năng bao quát khoảng 30-50 cổ phiếu có tính thanh khoản cao nhất mà chiếm tới hơn 70% tổng giá trị vốn hoá thị trường.

III. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2009

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 78.258.414.000 VNĐ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 62.411.187.000 VNĐ

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu: 1.560 VNĐ

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

	Thực hiện '2009	% hoàn thành KH		Thực hiện '2009
<i>(Đơn vị: tỷ đồng)</i>			<i>(Đơn vị: tỷ đồng)</i>	
Tổng tài sản	579.9		Thu nhập trên 1 cổ phiếu	1,560
Vốn chủ sở hữu	450.7		Cổ tức đã tạm ứng	1,200
Doanh Thu	123.4	124%	ROA	11%
Lợi nhuận trước thuế	78.3		ROE	14%
Lợi nhuận sau thuế	62.4	312%	Tăng trưởng doanh thu	24%
			Tăng trưởng lợi nhuận ròng	277%

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 đã được kiểm toán cho thấy TVS đạt được 123.4 tỷ đồng doanh thu và 62.4 tỷ đồng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vượt 124% và 312% kế hoạch năm và bỏ xa kết quả năm 2008. Mức độ tăng trưởng cao và vượt xa kế hoạch 124% của doanh thu và 312% của lợi nhuận sau thuế đã thể hiện quan điểm thận trọng trong kinh doanh và trong những quyết định đầu tư của TVS thời gian qua.

Về hiệu suất sinh lời, năm 2009 TVS đã đạt được ROE ở mức 14% và ROA ở mức 11% so với mức 3.8% của ROE và 1.4% của ROA trong năm 2008. Mặc dù môi trường kinh doanh trong nước và thế giới đã biến động theo chiều hướng bất lợi, tỷ lệ này là một kết quả tích cực và khẳng định hiệu quả quản lý mới của công ty. Tính về hiệu suất sinh lời, TVS nằm trong top 15 công ty có mức sinh lời đáng chú ý.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Dự báo tình hình kinh tế và môi trường kinh doanh

Kinh tế toàn cầu đang dần phục hồi và được dự báo sẽ có chuyển biến tích cực hơn, nhưng vẫn mang tính thử thách và rủi ro tiềm ẩn. Đối với nền kinh tế Việt Nam, diễn biến sẽ khó suy đoán hơn cho các Nhà quản lý Doanh Nghiệp do sự thay đổi khó lường trong chính sách tài khóa và tiền tệ của Chính phủ để vừa đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Với mục tiêu trước mắt của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, lãi suất cho vay thực tế đang ở mức trên 12%/năm. Trong bối cảnh hiện nay, doanh nghiệp buộc phải chấp nhận mức lãi suất này, tuy nhiên đây là mức quá cao cho mục tiêu tăng trưởng dài hạn. Để có thể tăng trưởng bền vững trong dài hạn, lãi suất cho vay thực tế phải giảm; nếu không sẽ kìm hãm động lực phát triển của DN khi tỷ suất lợi nhuận chỉ tương đương với mức lãi suất. Đối với NĐT trên TTCK, sự thay đổi trong chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt hay mở rộng và đặc biệt là mức lãi suất thực tế sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thanh khoản của thị trường.

Dự báo tình hình kinh doanh của TVS

Trên cơ sở những dự báo và đánh giá về môi trường kinh tế trong và ngoài nước, TVS cho rằng năm 2010 kinh tế Việt Nam nói chung và TTCK nói riêng vẫn chưa có gì đột biến. Do vậy, năm 2010 TVS sẽ tiếp tục duy trì chính sách quản trị rủi ro theo quan điểm thận trọng và chính sách đầu tư theo quan điểm dài hạn.

HDQT và Ban điều hành đã thống nhất là trong năm 2010 sẽ duy trì và tiếp tục phát triển ba lĩnh vực kinh doanh hiện tại là Ngân hàng đầu tư, Đầu tư vốn, Môi giới khách hàng cá nhân. Lĩnh vực Đầu tư vốn sẽ tiếp tục mang lại phần lớn lợi nhuận cho TVS về mặt ngắn hạn đồng thời hỗ trợ cho sự phát triển của Ngân hàng đầu tư.

Kế hoạch kinh doanh 2010 được xây dựng trên cơ sở nhận định nền kinh tế cần mất thêm 1-2 năm mới có thể hồi phục hoàn toàn và năm 2010 vẫn chưa có nhiều đột biến. HĐQT đã chỉ đạo Ban giám đốc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2010 theo định hướng như sau:

- Doanh thu: 130 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2009
- Lợi nhuận sau thuế: 40 tỷ đồng (*chưa bao gồm khoản dự phòng 4,8 tỷ đồng đã trích trong năm tài chính 2009*), tăng 5% so với LNST điều chỉnh 38,2 tỷ đồng của năm 2009.
- Tỷ suất ROE dự kiến trong năm 2010, tương ứng với mức lợi nhuận trên là 9%.

Đầu tư vốn (PI):

Chiến lược đầu tư của TVS trong năm 2010 theo hướng đầu tư dài hạn và vẫn giữ nguyên tắc thận trọng trong việc lựa chọn công ty chưa niêm yết hay danh mục cổ phiếu để đầu tư. Mục tiêu doanh thu của Bộ phận Đầu tư vốn trong năm 2010 là 87 tỷ đồng, chiếm trên 65% doanh thu toàn công ty. Tuyển chọn nhân sự có chất lượng vẫn sẽ là một trong những ưu tiên hàng đầu của chúng tôi. Để củng cố bộ phận Đầu tư vốn, TVS sẽ tuyển một chuyên gia về quản lý tiền và tài sản nợ và chuyên gia quản lý rủi ro trong năm 2010. Ngoài ra, 1 người cấp trưởng bộ phận sẽ được tuyển dụng để điều hành bộ phận này. Điều này sẽ bổ sung độ sâu cần thiết cho đội ngũ để bù đắp cho thiếu sót từ các nhân viên cấp dưới.

Môi giới chứng khoán

Đề đạt được hai (2) mục tiêu chính trong ba năm tới: (i) Gia tăng thị phần, (ii) Xây dựng và phát triển phân khúc thị trường khách hàng cao cấp, chúng tôi sẽ tập trung vào: (i) Phát triển và đa dạng hoá kênh phân phối, (ii) Nâng cao chất lượng tư vấn khách hàng và đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ cho khách hàng cao cấp.

Để phát triển kênh phân phối, trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tập trung phát triển:

- Phòng môi giới: mở thêm một số phòng môi giới tại Hà Nội và T.P Hồ Chí Minh. Hiện nay TVS có 3 phòng môi giới, trong năm nay dự kiến sẽ tuyển lựa và phát triển thêm 2 phòng môi giới mới vào quý 3.
- Hợp tác kinh doanh với một số tổ chức và cá nhân bên ngoài công ty để có thể mở rộng mạng lưới kinh doanh và gia tăng số lượng khách hàng.

Đẩy mạnh chất lượng tư vấn khách hàng và đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, chúng tôi sẽ tập trung dựng mảng nghiên cứu, phân tích để đưa ra các sản phẩm tư vấn có chất lượng cho khách hàng. Bên cạnh đó, bộ phận dịch vụ chứng khoán cũng sẽ tăng cường đưa ra các dịch vụ tài chính gia tăng để hỗ trợ thêm khách hàng TVS trong việc đầu tư chứng khoán đạt hiệu quả cao.

Với việc TVS đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch chứng khoán Siverlake, các sản phẩm và dịch vụ gia tăng cho khách hàng cũng sẽ được đẩy mạnh hơn trong thời gian tới đây, đồng thời có thể phục vụ cho giao dịch của những sản phẩm trong tương lai của thị trường chứng khoán tiên tiến khi được sự cho phép của Ủy ban chứng khoán. Ngoài ra, nhờ có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, việc quản trị rủi ro cho khách hàng cũng như cho các hoạt động của công ty cũng sẽ được giảm thiểu tối đa.

Ngân hàng đầu tư

Năm 2010 được kỳ vọng là một năm có kết quả kinh doanh tốt của bộ phận tư vấn tài chính do kết quả các hợp đồng đã ký trong năm 2009 cũng như uy tín ngày càng cao của bộ phận. HĐQT công ty cũng đã cho phép bộ phận tư vấn được thực hiện đầu tư vào các công ty chưa niêm yết nếu được hội đồng đầu tư phê duyệt.

Kế hoạch CNTT và dự án SilverLake trong năm 2010

i) Nhiệm vụ trọng tâm và chủ yếu đối với dự án SilverLake bao gồm:

- Nghiên cứu, mở rộng và ứng dụng các phân hệ nghiệp vụ hiện đang sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tác nghiệp.
- Mở rộng nghiên cứu công nghệ và từng bước phát triển các phân hệ nghiệp vụ mới tích hợp vào hệ thống SilverLake nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hiện nay và đưa ra nhiều dịch vụ mới thuận tiện và đa dạng hơn cho nhà đầu tư.
- Hoàn tất quá trình kết nối với Sở giao dịch Hà Nội đảm bảo sức cạnh tranh và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động giao dịch phục vụ nhà đầu tư

ii) Nhiệm vụ trọng tâm và chủ yếu đối với CNTT bao gồm:

- Chuẩn hóa cấu trúc và quy trình hoạt động của phòng CNTT.
- Phát triển nhân sự bổ sung có chất lượng cao nhằm đáp ứng các nhiệm vụ trọng tâm đối với dự án SilverLake và các yêu cầu từ bên ngoài.
- Chuẩn hóa hệ thống CNTT đáp ứng các yêu cầu về hệ thống CNTT của công ty chứng khoán.

IV. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

a. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Khả năng sinh lời			
Lợi nhuận gộp/ Doanh thu		73.6%	33.7%
Lợi nhuận/ Doanh thu		50.6%	16.7%
Lợi nhuận/ Tài sản ngắn hạn		22.8%	1.7%
Lợi nhuận/ Giá trị còn lại TSCĐ		518.6%	138.5%
ROA		10.8%	1.4%
ROIC		13.8%	3.8%
ROE		13.8%	3.8%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tổng quát		4.49x	1.59x
Khả năng thanh toán hiện thời		2.12x	1.28x
Khả năng thanh toán nhanh		2.12x	1.28x
Khả năng thanh toán tiền mặt		0.89x	0.14x

b. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: 11,267 đồng/cp

c. *Những thay đổi về vốn cổ đông:* không có

- d. **Tổng số cổ phiếu theo từng loại:** 43.000.000 cổ phần phổ thông, trong đó có 3.000.000 cổ phần là cổ phiếu quỹ
- e. **Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại:** 0
- f. **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:** 40.000.000 cổ phần phổ thông
- g. **Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại:** 3.000.000 cổ phiếu quỹ
- h. **Cổ tức chia cho các cổ đông trong năm 2009:** 1.200 VNĐ/01 cổ phiếu

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đại hội đồng cổ đông năm 2009 đã thông qua phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2009 với các nhiệm vụ trọng yếu và bao trùm các chỉ tiêu tài chính chi tiết. TVS đã hoàn thành với chất lượng cao những nhiệm vụ được giao, cụ thể:

	Thực hiện '2009	% hoàn thành KH		Thực hiện '2009
<i>(Đơn vị: tỷ đồng)</i>			<i>(Đơn vị: tỷ đồng)</i>	
Tổng tài sản	579.9		Thu nhập trên 1 cổ phiếu	1,560
Vốn chủ sở hữu	450.7		Cổ tức đã tạm ứng	1,200
Doanh Thu	123.4	124%	ROA	11%
Lợi nhuận trước thuế	78.3		ROE	14%
Lợi nhuận sau thuế	62.4	312%	Tăng trưởng doanh thu	24%
			Tăng trưởng lợi nhuận ròng	277%

Bên cạnh quan điểm thận trọng trong kinh doanh và trong những quyết định đầu tư của TVS thời gian qua, một yếu tố quan trọng nữa đem lại thành công cho TVS là chính sách quản lý rút gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu chi phí không cần thiết. Riêng chi phí cho hoạt động kinh doanh chứng khoán giảm 33% so với 6 tháng đầu năm. Với kế hoạch tối ưu hóa các quy trình, hệ thống, từ Q2'09, TVS tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý tiêu chuẩn, chuyên nghiệp, tiết kiệm tới 30% tổng chi phí thông thường.

Năm 2009, dựa trên kết quả kinh doanh khả quan của năm 2009, TVS đã tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông ở mức 1.200đồng/cổ phiếu.

V. Báo cáo tài chính

Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thiên Việt Securities

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		273.400.211	949.864.398
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	114.675.391	105.779.469
Tiền mặt	111		561.890	45.550
Các khoản tương đương tiền	112		114.113.501	105.733.919
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		97.691.356	820.859.248
Đầu tư ngắn hạn	121	5,6	100.867.636	821.521.092
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5,6	(3.176.280)	(661.844)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.545.248	21.376.527
Phải thu của khách hàng	131		2.980.558	30.000
Trả trước cho người bán	132	7	13.542.422	6.566.566
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	8	36.628.150	2.827.258
Các khoản phải thu khác	138	9	7.911.411	12.322.198
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(517.293)	(369.495)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		488.216	1.849.154
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		220.966	829.172
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.448	3.976
Tài sản ngắn hạn khác	158		242.802	1.016.006
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		306.492.372	229.945.881
II. Tài sản cố định	220		12.035.299	11.957.757
Tài sản cố định hữu hình	221	10	10.094.885	4.521.773
Nguyên giá	222		14.959.130	6.702.689
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.864.245)	(2.180.916)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Tài sản cố định vô hình	227	11	583.293	1.344.542
<i>Nguyên giá</i>	228		2.357.165	2.346.064
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.773.872)	(1.001.522)
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1.357.121	6.091.442
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		289.929.375	210.636.134
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	6	291.617.855	239.069.167
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		219.148.275	177.285.835
<i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		72.469.580	61.783.332
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	6	(1.688.480)	(28.433.033)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.527.698	7.351.990
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.356.039	1.196.057
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	402.015	3.688.199
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	15	537.028	284.117
Tài sản dài hạn khác	268	16	2.232.616	2.183.617
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		579.892.583	1.179.810.279
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		129.211.579	743.530.562
I. Nợ ngắn hạn	310		129.138.771	743.530.562
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	700.000.000
Phải trả người bán	312		1.946.701	546.067
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	14.632.898	13.732.730
Phải trả người lao động	315		2.979.780	2.565.377

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Chi phí phải trả	316		249.963	1.843.750
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	18	106.830.427	24.352.382
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		646	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	19	2.498.356	490.256
II. Nợ dài hạn	330		72.808	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		72.808	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		450.681.004	436.279.717
I. Vốn chủ sở hữu	410		450.458.384	436.047.197
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	430.000.000	430.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	20	(26.109.652)	(26.109.652)
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.849.194	1.728.634
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		4.849.194	1.728.634
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		36.869.648	28.699.581
II. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	430		222.620	232.520
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		579.892.583	1.179.810.279
		Mã số	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán				
6. Chứng khoán lưu ký			152.381.820	169.149.760

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	146.158.770	169.053.920
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	16.459.080	75.293.160
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	129.552.770	93.760.760
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	146.920	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	522.680	95.840
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	522.680	95.840
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	5.700.370	-
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	5.700.370	-

Người lập:

Người duyệt:

Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Trường Giang
Giám đốc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kết quả HĐKD	Mã Thuyết số minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Doanh thu	01	123.410.194	99.445.258
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	18.757.647	11.569.174
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	84.029.484	13.062.483
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	929.462	21.005.074
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	53.600	161.400
Doanh thu khác	01.9	19.640.001	53.647.127
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(636)	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	123.409.558	99.445.258
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	(32.622.496)	(65.957.332)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20	90.787.062	33.487.926
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(11.821.430)	(12.298.464)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	78.965.632	21.189.462
Thu nhập khác	31	113.156	555.813
Chi phí khác	32	(820.374)	(1.046.715)
Lợi nhuận khác	40	(707.218)	(490.902)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	78.258.414	20.698.560
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp –	51	(12.561.043)	(7.825.592)

hiện hành

(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	52	25	(3.286.184)	3.688.199
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		62.411.187	16.561.167
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	70	26	1.560	386

Người lập:

Người duyệt:

Lê Quang Tiến
*Kế toán trưởng*Nguyễn Trường Giang
Giám đốc

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	Tổng cộng
VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000

Thien Viet Securities

Số dư tại ngày 1/1/2008	430.000.000	-	900.576	900.576	16.060.372	38.197	447.899.721
Cổ phiếu quỹ	-	(26.109.652)	-	-	-	-	(26.109.652)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	16.561.167	-	16.561.167
Phân bổ vào các quỹ	-	-	828.058	828.058	(3.921.958)	2.265.842	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(2.071.519)	(2.071.519)
Số dư tại ngày 1/1/2009	430.000.000	(26.109.652)	1.728.634	1.728.634	28.699.581	232.520	436.279.717
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	62.411.187	-	62.411.187
Cổ tức	-	-	-	-	(48.000.000)	-	(48.000.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	3.120.560	3.120.560	(6.241.120)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(9.900)	(9.900)
Số dư tại ngày 31/12/2009	430.000.000	(26.109.652)	4.849.194	4.849.194	36.869.648	222.620	450.681.004

Người lập:

Người duyệt:

Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Trường Giang
Giám đốc

Thien Viet Securities

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		78.258.414	20.698.560
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		3.729.205	2.456.960
(Lãi)/lỗ từ hoàn nhập khoản dự phòng	03		(24.082.319)	27.670.372
Lãi trái phiếu lũy kế			(8.998.743)	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định			2.661.889	527.197
(Lãi)/lỗ thuần từ thanh lý các khoản đầu tư			(27.867.429)	7.505.795
Thu nhập tiền lãi			(16.048.592)	(31.924.130)
Chi phí lãi vay			1.657.639	1.843.750
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động			9.310.064	28.778.504
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	21		(49.739.323)	110.449.404
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	23		5.362.833	(2.228.177)
			(35.066.426)	136.999.731
Chi phí lãi vay đã trả			(3.501.389)	-
Sử dụng các quỹ			(9.900)	(2.071.519)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31		(11.660.875)	(1.429.488)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	40		(50.238.590)	133.498.724
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	41		(6.581.574)	(11.370.100)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định.			112.938	-
Tiền chi đầu tư chứng khoán			(750.915.207)	(990.077.004)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán			1.300.026.309	152.210.890
Trái phiếu nhận được			9.000.000	-
Thu ròng từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn			149.547.343	74.640.257
Tiền lãi đã nhận			24.682.937	27.356.119
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	50		725.872.746	(747.239.838)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được			-	700.000.000
Tiền trả khoản vay ngắn hạn	53		(700.000.000)	-
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ			-	(26.109.652)
Tiền trả cổ tức			(45.814.963)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	60		(745.814.963)	673.890.348
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	70		(70.180.807)	60.149.234
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	80		81.240.464	21.091.230
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	90	3	11.059.657	81.240.464

Người lập:

Người duyệt:

Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Trường Giang
Giám đốc

Thien Viet Securities

Các thuyết minh dưới đây là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Đơn vị báo cáo

Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty có 73 nhân viên (2008: 87 nhân viên).

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), làm tròn đến hàng nghìn gần nhất, được lập theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp nhận chung tại Việt Nam. Trong năm trước, các báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính. Xem Thuyết minh 30 về việc phân loại lại các số liệu so sánh.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ

được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng CMKT 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(e) Chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Chứng khoán đầu tư được phân loại thành ba nhóm: i) chứng khoán kinh doanh, ii) chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc iii) chứng khoán đầu tư đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Công ty phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

(iii) Hạch toán

Chứng khoán đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán tham khảo theo giá thị trường của các chứng khoán tại các Sở Giao dịch Chứng khoán.

Nguyên giá của chứng khoán đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chứng khoán đầu tư chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá theo đánh giá của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc xác định các khoản dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá thị trường trên Sàn Giao dịch Chứng khoán OTC.

Đối với chứng khoán đầu tư không được tự do mua bán trên thị trường, Ban Giám đốc xác định các khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét giá gốc, tình hình thị trường, hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và các luồng lưu chuyển tiền tệ tương lai.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được đề cập như trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi không được làm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư trở lên vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Dừng ghi nhận

Các khoản chứng khoán đầu tư bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Đồ đạc và dụng cụ văn phòng 3 năm
- Phương tiện vận chuyển 6 năm
- Thiết bị văn phòng và tài sản khác 2 - 5 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác 2 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và phần mềm máy vi tính chưa lắp đặt xong để đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước dài hạn khác được hạch toán theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

(k) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(n) Quỹ dự trữ pháp định

Theo quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc phân bổ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần

Quỹ dự trữ này được tính dựa trên lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ dự trữ này là bổ sung vốn cổ phần.

Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
------------------------	-----------------------	-----------------

Mục đích của quỹ dự phòng tài chính là nhằm bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Quỹ dự trữ này cũng như quỹ bổ sung vốn cổ phần là không được phân phối.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu từ đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên công việc thực hiện.

(iv) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đối với các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(q) Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động như một bộ phận trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có những ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định về tài chính hoặc hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu chịu sự kiểm soát chung, hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(t) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã đóng 80.850.800 VNĐ (31/12/2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(u) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, theo định nghĩa tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán công ty chứng khoán, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

(v) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Tiền mặt tại quỹ	561.890	45.550
Tiền gửi ngân hàng	10.497.767	81.194.914
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo LCTT	11.059.657	81.240.464
Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	103.615.734	24.539.005
	114.675.391	105.779.469

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có số ngoại tệ xấp xỉ 24.204 nghìn VNĐ (31/12/2008: 23.319 nghìn VNĐ).

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ'000)
a) Của Công ty chứng khoán		
Cổ phiếu	19.861.610	1.014.250.384
Trái phiếu	6.500.000	653.682.100
b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	194.498.200	7.212.410.094
Chứng khoán khác	5.943.390	78.488.095
	226.803.200	8.958.830.673

Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Chứng khoán kinh doanh	84.355.236	655.461.349
Đầu tư khác	16.512.400	166.059.743
	<hr/>	<hr/>
	100.867.636	821.521.092
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.176.280)	(661.844)
	<hr/>	<hr/>
	97.691.356	820.859.248

Chứng khoán đầu tư

Chi tiết các chứng khoán được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ VNĐ'000	So sánh với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường VNĐ'000
			Tăng VNĐ'000	Giảm VNĐ'000	
I. Chứng khoán kinh doanh	1.637.333	84.355.236	2.727.566	(3.176.280)	83.906.522
II. Chứng khoán đầu tư dài hạn					
Chứng khoán sẵn sàng để bán	9.670.550	219.148.275	450.000	(1.688.480)	217.909.795
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.100	72.469.580	-	-	72.469.580
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	11.315.983	375.973.091	3.177.566	(4.864.760)	374.285.897

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm	661.844	1.794.000
Tăng dự phòng trong năm	2.514.436	-
Hoàn nhập	-	(1.132.156)
Số dư cuối năm	<u>3.176.280</u>	<u>661.844</u>

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm	28.433.033	-
Tăng dự phòng trong năm	-	28.433.033
Hoàn nhập	(26.744.553)	-
Số dư cuối năm	<u>1.688.480</u>	<u>28.433.033</u>

Trả trước cho người bán

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Trả trước cho International Capital Market Solution Limited	13.093.633	5.093.100
Các khoản trả trước khác	448.789	1.473.466
	<u>13.542.422</u>	<u>6.566.566</u>

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Ứng trước cho nhà đầu tư	36.450.041	1.726.641
Phải thu khác	178.109	1.100.617
	<hr/>	<hr/>
	36.628.150	2.827.258
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Phải thu lãi tiền gửi	6.972.913	8.675.927
Phải thu khác	938.498	3.646.271
	<hr/>	<hr/>
	7.911.411	12.322.198
	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm	369.495	-
Tăng dự phòng trong năm	147.798	369.495
Số dư cuối năm	<u>517.293</u>	<u>369.495</u>

Tài sản cố định hữu hình

	Đồ đạc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Dụng cụ văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.101.391	641.122	4.818.721	141.455	6.702.689
Tăng trong năm	-	-	5.623.329	-	5.623.329
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang			5.681.465		5.681.465
Xóa sổ	-	-	(3.048.353)	-	(3.048.353)
Số dư cuối năm	<u>1.101.391</u>	<u>641.122</u>	<u>13.075.162</u>	<u>141.455</u>	<u>14.959.130</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	121.357	100.638	1.943.335	15.586	2.180.916
Hao mòn trong năm	367.130	106.854	2.435.719	47.152	2.956.855
Xóa sổ	-	-	(273.526)	-	(273.526)
Số dư cuối năm	<u>488.487</u>	<u>207.492</u>	<u>4.105.528</u>	<u>62.738</u>	<u>4.864.245</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	980.034	540.484	2.875.386	125.869	4.521.773
Số dư cuối năm	<u>612.904</u>	<u>433.630</u>	<u>8.969.634</u>	<u>78.717</u>	<u>10.094.885</u>

Tài sản cố định vô hình**Phần mềm
vi tính
VNĐ'000****Nguyên giá**

Số dư đầu năm	2.346.064
Tăng trong năm	11.101

Số dư cuối năm	2.357.165
----------------	-----------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	1.001.522
Hao mòn trong năm	772.350

Số dư cuối năm	1.773.872
----------------	-----------

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	1.344.542
Số dư cuối năm	583.293

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm	6.091.442	6.000
Tăng trong năm	947.144	7.777.473
Chuyển sang tài sản cố định	(5.681.465)	(1.670.365)
Chuyển sang công cụ và dụng cụ	-	(21.666)
Số dư cuối năm	1.357.121	6.091.442

Chi phí trả trước dài hạn

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm	1.196.057	1.282.059
Tăng trong năm	1.703.463	1.522.772
Phân bổ trong năm	(1.543.481)	(1.608.774)
Số dư cuối năm	1.356.039	1.196.057

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận cho các khoản mục sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	422.120	3.751.313
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Lãi chênh lệch quy đổi tỷ giá chưa thực hiện	(20.105)	(63.114)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ròng được ghi nhận	402.015	3.688.199

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung Tâm Giao dịch Chứng khoán.

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VNĐ tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,008% tổng giá trị chứng khoán giao dịch và môi giới của năm trước.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm	284.117	120.000

Tăng trong năm	252.911	164.117
Số dư cuối năm	537.028	284.117

Các tài sản dài hạn khác

Các tài sản dài hạn khác bao gồm tiền đặt cọc để thuê văn phòng và trả cho các dịch vụ khác của Công ty.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Thuế thu nhập cá nhân	363.980	411.401
Thuế giá trị gia tăng	61.820	52.272
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.561.043	13.213.660
Thuế nhà thầu	1.646.055	55.397
	14.632.898	13.732.730

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	103.288.427	24.352.382
Phải trả khác	3.542.000	-
	106.830.427	24.352.382

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.185.037	-
Phải trả khác	313.319	490.256
	2.489.356	490.256

Vốn góp cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	43.000.000	430.000.000	43.000.000	430.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(3.000.000)	(26.109.652)	(3.000.000)	(26.109.652)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	403.890.348	40.000.000	403.890.348
	40.000.000	403.890.348	40.000.000	403.890.348

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu Công ty mua lại, toàn bộ các quyền lợi đều bị tạm ngừng cho đến khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Lãi từ kinh doanh cổ phiếu	48.003.605	2.855.248
Lãi từ kinh doanh trái phiếu	2.984.850	-
Thu nhập từ cổ tức	15.141.675	9.887.182
Thu nhập từ lãi trái phiếu	17.899.354	320.053
	<hr/>	<hr/>
	84.029.484	13.062.483

Doanh thu khác

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	14.865.168	31.924.130
Thu nhập lãi từ cho cổ đông vay	1.229.258	20.751.211
Thu nhập lãi từ các khoản ứng trước cho khách hàng	2.772.161	714.838
Các thu nhập khác	773.414	256.948
	<hr/>	<hr/>
	19.640.001	53.647.127

Chi phí hoạt động kinh doanh

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	23.280.876	10.361.042
Chi phí lãi vay	1.657.639	1.843.750
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(24.230.117)	27.300.877
Lương và các chi phí liên quan	12.030.649	12.440.147
Chi phí hao mòn tài sản cố định	1.796.529	1.000.684
Chi phí khác	18.086.920	13.010.832
	<hr/>	<hr/>
	32.622.496	65.957.332

Chi phí quản lý

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Chi phí nhân viên	5.400.999	5.122.647
Chi phí vật liệu, công cụ và dụng cụ	851.248	1.032.053
Chi phí hao mòn tài sản cố định	1.785.569	1.456.276
Thuế và lệ phí	9.969	10.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.113.947	3.348.420
Chi phí khác	1.659.698	1.328.643
	<hr/>	<hr/>
	11.821.430	12.298.464
	<hr/>	<hr/>

Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	12.561.043	7.825.592
	<hr/>	<hr/>
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(402.015)	(3.688.199)
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	3.688.199	-
	<hr/>	<hr/>
	3.286.184	(3.688.199)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	15.847.227	4.137.393
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế	78.258.414	20.698.560
Thuế theo thuế suất của Công ty	19.564.604	5.795.597
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	3.286.184	-
Ưu đãi thuế	(5.383.304)	-
Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất	-	442.583
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.190.497	667.624
Thu nhập được miễn thuế	(3.810.754)	(2.768.411)
	15.847.227	4.137.393

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, hoạt động của Công ty thỏa mãn định nghĩa Doanh Nghiệp Nhỏ và Vừa (“SME”) và do đó Công ty được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý IV của năm 2008 và cả năm 2009. Lượng giảm trừ thuế thu nhập cho quý IV năm 2008 được tính dựa trên lợi nhuận chịu thuế của quý IV năm 2008 theo hướng dẫn trong Thông tư 03.

(c) Thuế suất áp dụng

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi trong luật thuế thu nhập có hiệu lực.

Lãi trên cổ phiếu**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 62.411.187 nghìn VNĐ (2008: 16.561.167 nghìn VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 40.000.000 cổ phiếu (2008: 42.885.246 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Lợi nhuận thuần trong năm	62.411.187	16.561.167

(ii) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2009	2008
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	40.000.000	43.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông được mua lại trong năm	-	(114.754)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	40.000.000	42.885.246

(iii) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.560	386

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Thêm vào số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính này, trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2009	2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Cho vay		
Một thành viên thân thiết trong gia đình của một lãnh đạo chủ chốt	10.000	10.000

Biến động các khoản phải thu

Loại hình	31/12/2008	Biến động		31/12/2009
		Tăng	Giảm	
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
1. Phải thu của khách hàng	30.000	10.695.832	7.745.274	2.980.558
2. Trả trước cho người bán	6.566.566	11.281.404	4.305.548	13.542.422
3. Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.827.258	2.232.809.328	2.199.008.436	36.628.150
4. Các khoản phải thu khác	12.322.198	36.620.908	41.031.695	7.911.411

5. Dự phòng phải thu khó đòi	(369.495)	(147.798)	-	(517.293)
------------------------------	-----------	-----------	---	-----------

21.376.527	2.291.259.674	2.252.090.953	60.545.248
-------------------	----------------------	----------------------	-------------------

Thien Viet Securities

Cam kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ'000	VNĐ'000
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	7.215.153	15.018.014

Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2008 (Phân loại lại)	31/12/2008 (đã được trình bày trước đây)
	VNĐ'000	VNĐ'000
Các khoản tương đương tiền	105.733.919	-
Tiền gửi ngân hàng	-	11.194.914
Các khoản tương đương tiền	-	70.000.000
Tiền gửi của người đầu tư về các giao dịch chứng khoán	-	24.539.005
Đầu tư ngắn hạn	821.521.092	-
Chứng khoán tự doanh	-	655.461.349
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	166.059.743
Tài sản ngắn hạn khác	1.016.006	-
Công cụ và dụng cụ	-	21.507
Tạm ứng	-	875.999
Tài sản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	118.500
Các khoản phải thu khác	12.322.198	-
Phải thu khác (trừ phần ứng trước cho nhà đầu tư)	-	12.322.198
Phải thu của khách hàng	30.000	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.827.258	-
Phải thu của người đầu tư	-	1.130.617

Phải thu khác - ứng trước cho nhà đầu tư - 1.726.641

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2009	2008
	(Phân loại lại)	(đã được trình bày trước đây)
	VNĐ'000	VNĐ'000
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	13.062.483	2.855.248
Doanh thu từ hoạt động đầu tư	-	10.207.235
Doanh thu khác	53.647.127	-
Doanh thu về vốn kinh doanh	-	53.647.127

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2008	2008
	(Phân loại lại)	(đã được trình bày trước đây)
	VNĐ'000	VNĐ'000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	133.498.724	153.349.048
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(747.239.838)	(767.090.162)

Người lập:

Người duyệt:

Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Trường Giang
Giám đốc

VI. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

Báo cáo của kiểm toán viên độc lập

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan cho năm kết thúc cùng ngày. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban lãnh đạo Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-02-063

Wang Toon Kim

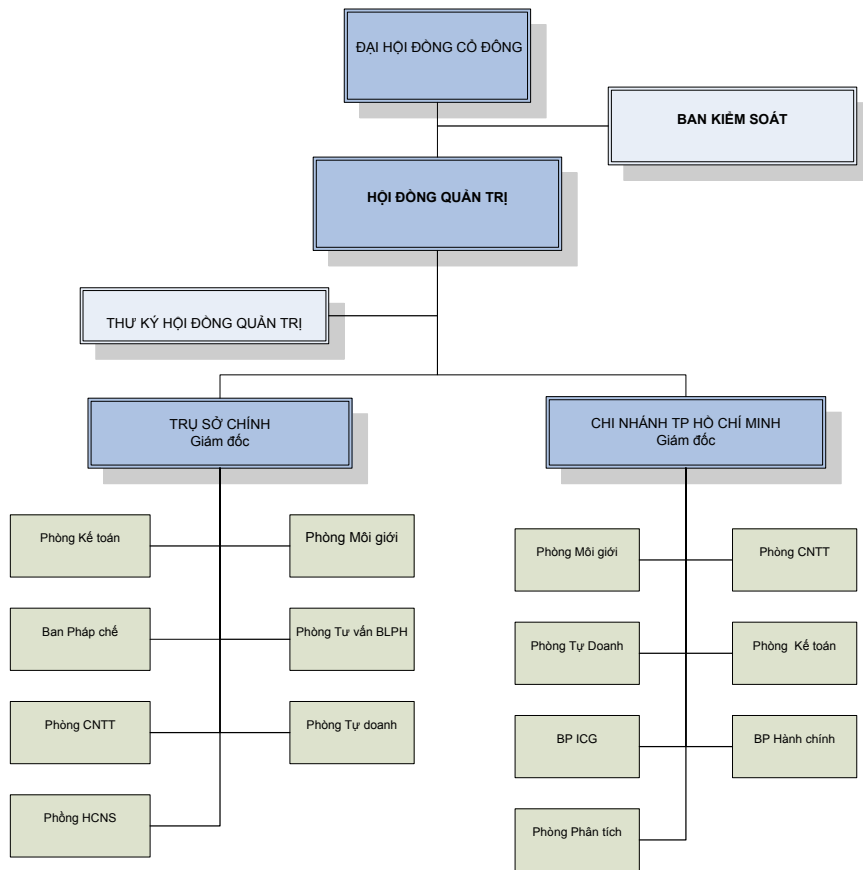
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0557/KTV

Nguyễn Thùy Dương

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0893/KTV

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

a. Giám đốc Công ty – Ông Nguyễn Trường Giang

- Họ và tên: Nguyễn Trường Giang Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 27/10/1963
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: 011778010 cấp ngày 25/07/2006 tại Công an HN.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 13/14B Lý Nam Đế, Hàng Mã, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Địa chỉ liên hệ: nt
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

- Chỗ ở hiện tại: nt
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000-2005	Công ty SX bao bì Hanpack	Kế toán trưởng
5.2005 -12. 2006	Công ty TNHH V.I.S.T.A	Giám đốc Tài chính
1.2007- nay	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Kế toán trưởng

3. Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: không có

4. Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Theo quy chế tiền lương của Công ty

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a. Số lượng và trình độ cán bộ nhân viên

Số lượng cán bộ nhân viên của TVS tại trụ sở chính, chi nhánh TP HCM và Văn phòng Đại diện Hoàn Kiếm trong năm 2009 là 73 người trong đó:

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
I/ Số lượng cán bộ nhân viên	73 người	100%
- Trụ sở chính	38 người	52%
- Chi nhánh Tp HCM	26 người	36%
- Văn phòng Đại diện Hoàn Kiếm	9 người	12%
II/ Trình độ học vấn	73 người	100%
- Trên Đại học	9 người	12,3%
- Đại học	62 người	85%
- Trung cấp	2 người	2.7%

b. Chính sách đối với người lao động

Ban lãnh đạo Công ty luôn xem con người là nguồn lực quan trọng nhất. Do vậy, các chính sách nhân sự của Công ty được xây dựng nhằm quan tâm toàn diện tới người lao động, khuyến khích người lao động phát huy tính sáng tạo và thể mạnh của mỗi cá nhân. Xây dựng các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- **Môi trường làm việc:**

Người lao động tại TVS làm việc trong một môi trường làm việc tiêu chuẩn, được trang bị đầy đủ trang thiết bị như máy tính cá nhân, điện thoại và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu công việc.

Thời gian làm việc tại TVS là 05 ngày/tuần, từ thứ hai đến thứ sáu. Thời gian làm việc nghỉ ngơi phù hợp theo quy định của Bộ Luật lao động.

Ngoài ra, môi trường làm việc tại TVS được cán bộ nhân viên đánh giá là thân thiện, hoà đồng và gần gũi. Đây cũng là một trong những yếu tố khiến người lao động tại TVS gắn bó với Công ty, số lượng nhân viên làm việc tại TVS từ năm đầu thành lập cho tới hết năm 2009 chiếm tỷ lệ rất cao.

- **Chính sách lương, thưởng, phụ cấp**

Chính sách lương, khen thưởng và phúc lợi được ban hành theo quy định của Bộ Luật lao động và tình hình hoạt động thực tế của Công ty theo tiêu chí công bằng, minh bạch.

Ngoài khoản lương cơ bản cố định, Công ty còn xây dựng chính sách lương kinh doanh được trả hàng tháng. Mức lương kinh doanh được xác định theo quy chế và phụ thuộc vào tình hình kinh doanh thực tế trong tháng của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách phụ cấp như: phụ cấp ăn trưa, phụ cấp xăng xe... nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động.

- **Chăm sóc toàn diện người lao động**

Nhằm chăm sóc toàn diện cho cán bộ nhân viên Công ty, bên cạnh việc tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, Công ty còn mua thêm bảo hiểm “Kết hợp tai nạn con người và chăm sóc sức khoẻ” dành cho người lao động. Tham gia bảo hiểm này, người lao động có thể khám chữa bệnh ngoại trú, được thăm khám tại các cơ sở y tế hàng đầu tại Việt Nam, tạo cho người lao động sự yên tâm, tập trung vào công tác.

Ngoài ra, để gắn kết các cán bộ nhân viên trong Công ty, hàng năm, TVS có tổ chức các chương trình giao lưu như Tiệc gia đình, chương trình nghỉ mát thường niên..., để các thành viên trong Công ty cùng gia đình có cơ hội gặp mặt, chia sẻ, quan tâm lẫn nhau. Các chương trình này đã thực sự là cầu nối đưa mọi người lại gần nhau hơn.

- **Chính sách đào tạo**

Ban lãnh đạo TVS rất quan tâm tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Các nhân viên mới gia nhập TVS được hướng dẫn, đào tạo rất tận tình các kiến thức chuyên môn cũng như các kỹ năng làm việc, kỹ năng sử dụng hệ thống kỹ thuật tại TSV.

Hàng năm, TVS dành một ngân sách nhất định để hỗ trợ cho các nhân viên nòng cốt tham dự các khoá đào tạo nâng cao về chuyên môn, quản lý tại các tổ chức trong nước và quốc tế.

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/ Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.

- **Thành viên Hội đồng Quản trị:** Ông Spencer White xin từ nhiệm
- **Thành viên Ban Giám đốc:** Không thay đổi
- **Thành viên Ban Kiểm soát:** Không thay đổi
- **Kế toán trưởng:** Không thay đổi

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch
Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
<i>(đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam)</i>	
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông Phan Thanh Diện	Thành viên
Ông Trần Vũ Hoài	Thành viên
Ông Spencer D Surenkok White	Thành viên

Thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Việt Hùng	Trưởng ban
Bà Văn Thị Lan Hương	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên

b. Hoạt động của HĐQT

Thay đổi thành viên HĐQT

Ông Spencer White vì lý do cá nhân đã có đơn xin từ nhiệm vị trí thành viên Hội đồng quản trị cũng như chức vụ cố vấn chiến lược của Công ty từ ngày 15 tháng 04 năm 2009.

Hoạt động khác

Trong nửa đầu năm 2009, TVS đã tiến hành việc cắt giảm chi phí trong toàn công ty và giải thể bộ phận Khách hàng tổ chức (ICG) do hoạt động của bộ phận này chưa thật sự hiệu quả so với chi phí vốn bỏ ra. TVS sẽ trì hoãn việc tái khởi động hoạt động của ICG cho đến cuối năm 2010 hoặc đầu năm 2011 do chúng tôi vẫn chưa nhìn thấy dấu hiệu các nhà đầu tư quay lại Việt Nam cho tới giai đoạn 2011-2012.

c. Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

Trong năm 2009, Ban Kiểm soát đã có các hoạt động sau :

- Tổ chức các cuộc họp BKS để thảo luận về nhiệm vụ và đề ra kế hoạch thực hiện cho năm 2009.
- Tiến hành 02 đợt kiểm soát định kì theo như kế hoạch đã đề ra nhằm : Kiểm tra tính hợp lý , hợp pháp của việc quản lý , điều hành thực hiện nhiệm vụ kinh doanh năm 2009 của Hội đồng quản trị và Ban điều hành;

- Phòng văn kế toán trưởng Công ty về các vấn đề bất thường liên quan đến báo cáo tài chính và chính sách kế toán của Công ty;
- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành thực hiện một số thay đổi trong công tác quản lý điều hành;
- Xem xét các báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo kiểm toán và danh sách các bút toán điều chỉnh của kiểm toán;
- Xem xét Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ban điều hành và Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông.
- Trong cả năm 2009, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào để cần thiết phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của công ty.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

a. Cổ đông góp vốn Nhà nước

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1.	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	Số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	982.850	2.28%

b. Cổ đông sáng lập

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
2.	Nguyễn Trung Hà	Số 96 Linh Lang, phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội	7.559.541	17.58%
3.	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	Số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	982.850	2.28%
4.	Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính VMF Việt Nam	172 Trần Vũ, Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội	30.856	0.07%

c. Cổ đông nước ngoài

Stt	Danh mục	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
-----	----------	--------------------------	-----------

1.	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	0	0
2.	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2.496.877	5.81%
3.	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	166.000	0.39%
Tổng cộng		2.662.877	6.19%

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN TRUNG HÀ

Thien Viet S